Hợp đồng Ủy thác Bảo lãnh Tiền thuê kiêm Văn Bản Đồng Ý về việc Thu thập, Quản lý và Sử dụng Thông tin Cá nhân

Người thuê (sau đây gọi là "Bên A") và Công ty Cổ phần Three A (sau đây gọi là "Bên B")ký kết Hợp đồng Ủy thác Bảo lãnh này (sau đây gọi là "Hợp đồng này") liên quan đến các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng thuê (sau đây gọi là "Hợp đồng gốc") mà Bên A đã ký với bên cho thuê theo nội dung đã ghi ở trên, với các điều khoản sau đây.

Điều 1 (Nội dung hợp đồng)

Hợp đồng này quy định việc Bên A ủy thác cho Bên B, theo các điều kiện nêu trong Hợp đồng này,việc bảo lãnh đối với các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng gốc, và Bên B đồng ý nhận sự ủy thác đó.

Điều 2 (Thời hạn hợp đồng)

1 Thời hạn của Hợp đồng này là hai (02) năm, tính từ ngày bắt đầu bảo lãnh được ghi ở trên.

2 Khi hết hạn, nếu Hợp đồng gốc vẫn còn hiệu lực và không tồn tại các lý do chấm dứt tại Khoản 1 Điều 6, thì Hợp đồng này sẽ tự động được gia hạn thêm hai (02) năm với cùng nội dung và tiếp tục được gia hạn tương tự về sau.

3 (Điều 2, Khoản 3) Bất kể quy định tại hai khoản trên, Hợp đồng này sẽ chấm dứt vào ngày mà tài sản thuê theo Hợp đồng gốc được bàn giao lại cho bên cho thuê hoặc cho bên thứ ba.

Điều 3 (Phạm vi bảo lãnh)

Bên B sẽ bảo lãnh cho các nghĩa vụ mà Bên A phải chịu theo Hợp đồng gốc liên quan đến tiền thuê,phí công cộng, phí quản lý, tiền quyết toán khi trả lại tài sản, v.v... (sau đây gọi chung là "tiền thuê, v.v."), với giới hạn tối đa là số tiền nhỏ hơn giữa hai mức sau:tổng tiền thuê tương đương 24 tháng theo mức đã quy định ban đầu trong Hợp đồng gốc, hoặc 1.000.000 yên Nhật.

Điều 4 (Phí ủy thác bảo lãnh)

1 Bên A phải trả cho Bên B khoản phí bảo lãnh đã ghi ở trên như là phí ủy thác cho việc ký kết Hợp đồng này.

2 Trường hợp Hợp đồng này bị chấm dứt giữa chừng, Bên A cũng không được yêu cầu Bên B hoàn trả lại khoản phí bảo lãnh đã nộp.

Điều 5 (Thực hiện quyền truy đòi)

1. Nếu Bên A không thanh toán tiền thuê hoặc các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng gốc trong thời hạn đã quy định trong Hợp đồng gốc hoặc theo quy định của pháp luật, thì theo yêu cầu của bên cho thuê theo Hợp đồng gốc, Bên B sẽ thực hiện việc thanh toán tiền thuê cho bên cho thuê theo Hợp đồng này.

2. Khi Bên B đã thực hiện việc thanh toán theo khoản trên, Bên A phải hoàn trả cho Bên B số tiền đã thanh toán đó, kèm theo tiền phạt chậm trả tính theo lãi suất 14,6%/năm kể từ ngày thanh toán đến ngày hoàn trả toàn bộ, cùng với các chi phí phát sinh cần thiết để thực hiện việc thanh toán.

Điều 6 (Chấm dứt hợp đồng)

Bên B có quyền chấm dứt ngay Hợp đồng này mà không cần bất kỳ thông báo hay yêu cầu nào,nếu Bên A rơi vào một trong các trường hợp sau:

(1) Bên A vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng gốc hoặc Hợp đồng này.

(2) Tại thời điểm ký kết Hợp đồng này, Bên A đã cố ý hoặc do sơ suất cung cấp thông tin sai sự thật,và việc Bên B ký kết Hợp đồng này được xác định là dựa trên thông tin sai sự thật đó.

(3) Bên A mất liên lạc, không rõ nơi cư trú.

(4) Phát sinh các sự việc khác tương tự như các trường hợp trên.

Điều 7 (Xử lý tiền đặt cọc)

1. Nếu Bên A có nghĩa vụ hoàn trả cho Bên B theo Điều 5 của Hợp đồng này, và khoản tiền đặt cọc (theo định nghĩa tại Điều 622-2, Khoản 1 Bộ luật Dân đã nộp theo Hợp đồng gốc sau khi trừ đi các nghĩa vụ đối với bên cho thuê mà vẫn còn dư, thì Bên B có quyền yêu cầu số dư đó được dùng để thanh toán nghĩa vụ hoàn trả của Bên A đối với Bên B, và Bên A phải chấp thuận yêu cầu này.

2. Bên A không được chuyển nhượng, thế chấp, hoặc xử lý dưới bất kỳ hình thức nào khác đối với quyền đòi hỏi số dư tiền đặt cọc nêu trên cho bất kỳ chủ nợ nào khác ngoài Bên B.

Điều 8 (Loại trừ các thế lực phản xã hội, v.v.)

1 Bên A cam kết và bảo đảm các điều sau đây:

(1) Bên A không phải là băng nhóm tội phạm có tổ chức, thành viên của băng nhóm tội phạm,doanh nghiệp/tổ chức liên quan đến các băng nhóm đó, người có liên quan, sokaiya (người tống tiền tại đại hội cổ đông), hoặc bất kỳ thế lực phản xã hội nào khác (sau đây gọi chung là "các thế lực phản xã hội, v.v.").

(2) Bên A không có bất kỳ quan hệ nào sau đây với các thế lực phản xã hội, v.v.:

a. Quan hệ trong đó Bên A lợi dụng các thế lực phản xã hội, v.v. nhằm mưu cầu lợi ích bất chính cho bản thân hoặc bên thứ ba, hoặc nhằm gây thiệt hại cho bên thứ ba.

b. Quan hệ trong đó Bên A cung cấp tiền bạc hoặc lợi ích khác cho các thế lực phản xã hội, v.v.,qua đó hỗ trợ hoặc tham gia vào việc duy trì hay điều hành các thế lực phản xã hội.

(3) Không có cán bộ, nhân sự quản lý nào của Bên A thuộc các thế lực phản xã hội, v.v.,hoặc có quan hệ với các thế lực này mà về mặt xã hội bị coi là đáng lên án.

(4) Bên A không để các thế lực phản xã hội, v.v. sử dụng danh nghĩa của mình để ký kết Hợp đồng

(5) Bên A cam kết không tự mình hoặc thông qua bên thứ ba thực hiện bất kỳ hành vi nào sau đây liên quan đến Hợp đồng này:

a. Yêu cầu bạo lực.

b. Đưa ra các yêu cầu bất chính vượt quá trách nhiệm pháp lý.

c. Hành vi đe dọa hoặc sử dụng bạo lực liên quan đến giao dịch.

d.Tung tin đồn, dùng thủ đoạn gian trá hoặc sức ép nhằm cản trở công việc của đối tác hoặc làm tổn hại uy tín của đối tác.

e. Các hành vi khác tương tự như các điều nêu trên.

2 Nếu Bên A rơi vào một trong các trường hợp sau, Bên B có thể chấm dứt ngay Hợp đồng này mà không cần bất kỳ yêu cầu hay thông báo nào:

a. Khi phát hiện Bên A đã có tuyên bố sai sự thật trái với các cam kết nêu tại (1) đến (3) của khoản trước.

b. Khi phát hiện Bên A đã ký kết Hợp đồng này trái với cam kết nêu tại (4) của khoản trước.

c. Khi Bên A thực hiện hành vi trái với cam kết nêu tại (5) của khoản trước.

3. Nếu Hợp đồng này bị chấm dứt theo quy định tại khoản trên, Bên A phải bồi thường cho Bên B mọi thiệt hại mà Bên B phải gánh chịu.

4. Nếu Hợp đồng này bị chấm dứt theo quy định tại khoản 2, Bên A không được đưa ra bất kỳ khiếu nại nào đối với Bên B về những thiệt hại phát sinh do việc chấm dứt đó.

Điều 9 (Thẩm quyền xét xử)

Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng này, tùy theo thẩm quyền về đối tượng tranh chấp,sẽ thuộc thẩm quyền xét xử riêng biệt và duy nhất của Tòa án Đơn giản Kobe hoặc Tòa án Địa phương Kobe với tư cách là tòa án sơ thẩm.

Điều 10 (Vấn đề cần thương lượng)

Đối với những vấn đề không được quy định trong Hợp đồng này, hoặc những vấn đề có nghi ngờ trong việc giải thích Hợp đồng này, hai bên A và B sẽ giải quyết thông qua thương lượng thiện chí,phù hợp với tinh thần của Hợp đồng.

[Các điều khoản đồng ý về thu thập, quản lý và sử dụng thông tin cá nhân]

Bên A đồng ý rằng Bên B sẽ xử lý thông tin cá nhân của Bên A theo các điều khoản dưới đây nhằm phục vụ cho việc thẩm định tín dụng và quản lý giao dịch (bao gồm cả việc thu phí, v.v.) liên quan đến Hợp đồng này và các giao dịch kèm theo.

Điều 1 (Thông tin được xử lý)

Thông tin cá nhân của Bên A do Bên B xử lý sẽ bao gồm (sau đây gọi chung là "thông tin cá nhân, v.v."):

(1) Thông tin của Bên A mà Bên B có được từ các giấy tờ do Bên A điền khi ký kết Hợp đồng này, bao gồm: họ tên, giới tính, tuổi, ngày sinh, địa chỉ, số điện thoại, nơi làm việc, địa chỉ nơi làm việc,thu nhập hàng năm, cơ cấu gia đình, tình trạng cư trú của gia đình, địa chỉ email, số liên lạc khẩn cấp, v.v.

(2) Thông tin liên quan đến Hợp đồng gốc hoặc Hợp đồng này về bất động sản thuê, như: tên bất động sản, địa chỉ, tiền thuê, người bảo lãnh liên đới (bao gồm họ tên, giới tính, tuổi, ngày sinh, địa chỉ, số điện thoại, nơi làm việc, địa chỉ nơi làm việc, thu nhập hàng năm, v.v.), và thông tin tài khoản thanh toán tiền thuê.

(3) Thông tin xác minh danh tính được ghi trên giấy phép lái xe, hộ chiếu, sổ hộ khẩu, thẻ cư trú và các giấy tờ tương tự.

(4) Tình trạng thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng gốc.

Điều 2 (Mục đích sử dụng)

Bên B sẽ xử lý thông tin cá nhân, v.v. được nêu tại điều trên cho các mục đích sau:

(1) Để xác định việc có ký kết hợp đồng bảo lãnh theo Hợp đồng này và với bên cho thuê trong Hợp đồng gốc hay không.

(2) Để ký kết và thực hiện hợp đồng bảo lãnh theo Hợp đồng này và với bên cho thuê trong Hợp đồng gốc.

(3) Để thực hiện quyền truy đòi theo Hợp đồng này.

(4) Để cung cấp các dịch vụ liên quan đến Hợp đồng này.

Điều 3 (Cung cấp cho bên thứ ba)

Ngoại trừ các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 16 của Luật Bảo vệ Thông tin Cá nhân, Bên B sẽ không cung cấp thông tin cá nhân của Bên A cho bất kỳ bên thứ ba nào nếu không có sự đồng ý của Bên A. Tuy nhiên, Bên A đồng ý rằng Bên B có thể, trong phạm vi cần thiết để đạt được các mục đích sử dụng đã nêu ở điều trước và dưới trách nhiệm của mình, ủy thác một phần hoặc toàn bộ việc xử lý thông tin cá nhân cho bên thứ ba

Điều 4 (Biện pháp khi từ chối cung cấp thông tin hoặc không đồng ý điều khoản)

Nếu Bên A không cung cấp các thông tin cần thiết cho việc ký kết hợp đồng bảo lãnh theo Hợp đồng này hoặc với bên cho thuê trong Hợp đồng gốc, hoặc từ chối đồng ý với các điều khoản này, thì Bên B có quyền từ chối ký kết với hợp đồng bảo lãnh với Bên A và bên cho thuê.

Điều 5 (Không công bố kết quả thẩm định)

Ngoại trừ việc thông báo quyết định có hay không ký kết hợp đồng, Bên B không có nghĩa vụ phải công bố cho bên A kết quả thẩm định của mình

Điều 6 (Thông báo thay đổi điều khoản)

Trong trường hợp các điều khoản này được sửa đổi, Bên B sẽ thông báo nội dung sửa đổi cho Bên A.

Điều 7 (Cửa sổ tiếp nhận yêu cầu)

Đối với các yêu cầu liên quan đến việc công khai, chỉnh sửa, hoặc ngừng sử dụng thông tin cá nhân của Bên A, Bên B sẽ tiếp nhận và xử lý tại bộ phận tiếp nhận (Tòa nhà Trung tâm Thương mại & Công nghiệp Kobe, Tầng 8,5-1-14 Hamabe-dori, Quận Chuo, Thành phố Kobe, ĐT: 078-200-6433).

Tuy nhiên, Bên A phải chịu khoản phí thủ tục do Bên B quy định.

Tôi xin đăng ký và đồng ý với các nội dung được nêu trong "Hợp đồng Ủy thác Bảo lãnh Tiền thuê kiêm Văn bản Đồng ý về việc Thu thập, Quản lý và Sử dụng Thông tin Cá nhân."

● *Người nộp đơn phải tự tay ký tên vào ô dưới đây.*

Ngày nộp (Lịch tây)	năm tháng ngày
Phiên âm tên (Furigana):	
Chữ ký của người nộp đơn:	

賃貸借保証委託契約書兼、個人情報の取得・管理・利用に関する同意書

賃借人（以下、「甲」という。）とスリーエー株式会社（以下、「乙」という。）とは、甲が表記のとおり賃貸人と締結した賃貸借契約（以下、「原契約」という。）にかかる債務に関して、次のとおり保証委託契約（以下、「本契約」という。）を締結する。

第１条（契約内容）

本契約は、甲が、乙に対し、本契約に定める条件の下で、原契約に基づいて発生する債務についての保証を委託し、乙はこれを受託することを内容とする。

第２条（契約期間）

１ 本契約の契約期間は、表記の保証開始日から２年間とする。

２ 本契約の期間満了日において、原契約が存続している場合、第６条１項各号記載の解除事由が存しない限り、本契約は更に２年間、同一内容で更新されるものとし、以後も同様とする。

３ 前２項に関わらず、原契約の物件が賃貸人又は第三者に明け渡された日をもって、本契約は終了する。

第３条（保証範囲）

乙は、原契約に基づいて甲が負担する賃料、共益費、管理費、退去時の精算金等（以下、「賃料等」という。）につき、原契約で当初に定められた賃料等の月額２４ヶ月又は金１００万円迄のいずれか小さい額を限度として、その債務を保証する。

第４条（保証委託料）

１ 甲は、本契約締結にかかる委託料として、表記の保証料を乙に支払う。

２ 甲は、乙に対し、本契約の中途解除の場合においても、既に支払った保証料の返還を求めることはできない。

第５条（求償権の行使）

１ 乙は、甲が原契約に基づく賃料等につき原契約または法律上定められた期限内に弁済を行わない場合、原契約の賃貸人からの請求により、本契約に基づき、原契約の賃貸人に対して、賃料の弁済を行う。

２ 甲は、前項の弁済がなされたときは、乙に対し、前項の弁済額及び同額に対する弁済日から支払済みに至るまで年１４．６％の割合による遅延損害金並びに弁済のために要した諸費用を支払わなければならない。

第６条（契約解除）

乙は、甲が次の各号の一つでも該当したときは、何らの通知、催告を要せず、直ちに本契約を解除することができる。

（１）甲が原契約又は本契約に定める条項に違反したとき

（２）甲が、本契約締結に際して、故意又は過失により虚偽の事実を告げ、それにより乙が本契約を締結したことが判明したとき

（３）甲の所在が不明となったとき

（４）その他前各号に準じる事由が生じたとき

第７条（敷金の取扱い）

１ 甲が、乙に対して、本契約第５条に基づく求償債務を負う場合、甲は原契約で差し入れた敷金（民法６２２条の２第１項の定義に準じる。）につき、原契約の賃貸人に対する債務を控除して残額が生じたときは、乙は、当該残額につき、乙の求償債務の弁済に充当することを請求し、甲はこれに応じなければならない。

２ 甲は、前項における敷金の残額にかかる請求権を、乙以外の債権者に対して、債権譲渡、担保としての差入れ等の処分をしてはならない。

第８条（反社会勢力等の排除）

１ 甲は、次の各号の事項を確約する。

（１）自らが暴力団、暴力団構成員、暴力団関係企業・団体若しくは関係者、総会屋、ゴロ、その他の反社会的勢力（以下、「反社会的勢力等」という。）ではないこと

（２）反社会的勢力等と次の関係を有していないこと

ア 自ら若しくは第三者の不正の利益を図る目的、又は第三者に損害を与える目的をもって反社会的勢力等を利用していると認められる関係

イ 反社会的勢力等に対して賃金等を提供し、又は便宜を供与するなど反社会的勢力の維持、運営に協力し、又は関与している関係

（３）自らの役員が反社会的勢力等ではないこと、及び反社会的勢力等と社会的に非難されるべき関係を有していないこと

（４）反社会的勢力等に自らの名義を利用させ、本契約を締結するものではないこと

（５）自ら又は第三者を利用して本契約に関して次の行為をしないこと

ア 暴力的な要求行為

イ 法的な責任を超えた不当要求行為

ウ 取引に関して、脅迫的な言動をし、又は暴力を用いる行為

エ 風説を流布し、偽計又は威力を用いて相手方の業務を妨害し、又は信用を棄損する行為

オ その他前各号に準ずる行為

２ 甲が次の各号のいずれかに該当した場合には、乙は何らの催告を要せずして、本契約を解除することができる。

ア 前項（１）ないし（３）の確約に反する表明をしたことが判明した場合

イ 前項（４）の確約に反し契約をしたことが判明した場合

ウ 前項（５）の確約に反した行為をした場合

３ 前項の規定により本契約が解除された場合には、甲は、乙に対し、乙の被った損害を賠償するものとする。

４ 第２項の規定により本契約が解除された場合には、甲は、解除により生じる損害について、乙に対し一切の請求を行わない。

第９条（裁判管轄）

本契約に関連する紛争については、事物管轄に応じ、神戸簡易裁判所又は神戸地方裁判所を第一審の専属的合意管轄裁判所とする。

第１０条（協議事項）

本契約に定めのない事項又は解釈に疑義の生じた事項については、本契約の趣旨に従い、甲乙間で誠実に協議の上、解決を図るものとする。

【個人情報の取得・管理・利用に関する同意事項】

甲は、乙との間の本契約を含む取引与信及び取引管理（請求等を含む）のため、甲の個人情報等を以下の条項に従って乙が取り扱うことに同意する。

第１条（取扱情報）

乙が取り扱う甲の個人情報は次のとおりとする（以下、「個人情報等」という。）。

（１）氏名、性別、年齢、生年月日、住所、電話番号、勤務先名称、勤務先住所、年収、家族構成、家族の居住状況、メールアドレス、緊急連絡先等の本契約の締結にあたって甲が記入した書面の記載内容により乙が知り得た甲の情報

（２）原契約又は本契約に関する賃貸物件の名称、所在地、賃料、連帯保証人（氏名、性別、年齢、生年月日、住所、電話番号、勤務先名称、勤務先住所、年収等のを含む）及び賃料支払口座等の契約情報

（３）運転免許証、パスポート、住民票及び在留カード等に記載された本人確認情報

（４）原契約に関する賃料支払状況

第２条（利用目的）

乙は、次の目的のために前項の個人情報等を取り扱う。

（１）本契約及び原契約の賃貸人との間の保証契約の締結可否の判断のため

（２）本契約及び原契約の賃貸人との間の保証契約の締結及び履行のため

（３）本契約に基づく求償権行使のため

（４）本契約に関連したサービス提供のため

第３条（第三者への提供）

乙は、個人情報保護法１６条３項に掲げられた場合を除き、甲の同意なくして、第三者に甲の個人情報等を提供しない。ただし、乙が前条の利用目的達成に必要な範囲内で、乙の責任において、個人情報等の取り扱いの一部又は全部を第三者に委託することにつき、甲は同意する。

第４条（情報提供の拒否や条項不同意の場合の措置）

甲が、本契約若しくは原契約の賃貸人との間の保証契約の締結のために必要な事項を記載せず、又は、本条項の内容の全部又は一部につき同意を拒絶する場合、乙は本契約若しくは原契約の賃貸人との間の保証契約の締結を拒絶することができる。

第５条（審査結果の不公表）

乙は、本契約若しくは原契約の賃貸人との間の保証契約の締結判断に関する審査内容については、審査の結果（締結の可否）を除いて、甲に公表を要しないものとする。

第６条（条項の変更通知）

乙は、本条項が改正された場合、甲に対し、その内容を通知するものとする。

第７条（問い合わせ窓口）

甲の個人情報に関する開示・訂正・利用の停止等の請求については、乙の窓口（神戸市中央区浜辺通５－１－１４神戸商工貿易センタービル８Ｆ・電話番号０７８－２００－６４３３）にて応対するものとする。ただし、甲は、手続きに際して、乙所定の手数料を負担しなければならない。

私は、「賃貸借保証委託契約書兼、個人情報の取得・管理・利用に関する条項」に同意の上、申込みをおこないます。

●申込者の署名欄は本人の直筆でご署名ください。

申込日（西　暦）	年　　月　　日
フリガナ	
申込者署名欄	